

Bản án số: 12/2021/ DSST

Ngày 20/4/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Nhật

- Hội thẩm nhân dân: 1/ - Ông Trần Minh Hoàng

2/ - Bà Phạm Thị Lệ Hoa

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Huỳnh Thiên Ân – Thư

Ký Tòa án Nhân Dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trong ngày 20 tháng 04 năm 2021. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2021/ TLST- DS ngày 07 tháng 02 năm 2021 Về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2021/QĐXXST- DS ngày 02 tháng 04 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S G T T

Trụ sở đặt tại: số 266 – 268 N K K N, phường 8, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Thái B – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP S G T T – Chi nhánh Kiên Giang. Theo giấy ủy quyền số: 3808/2018/GUQ-PL ngày 29/11/2018.

Ông Phạm Thái B ủy quyền lại cho ông Vũ Ngọc H, sinh năm 1978, chức vụ: Trưởng phòng giao dịch Tân Hiệp (theo giấy ủy quyền số: 111/GUQ – CNKG ngày 11/06/2020) (có mặt).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Ông Tòng Bá P, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Đ N A, xã T Đ, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn Ngân Hàng TMCP S G T T – Đại diện theo ủy quyền ông Vũ Ngọc

H trình bày: Căn cứ hợp đồng tín dụng số: LD 1719800113 ký ngày 17/07/2017 và giấy nhận nợ số: LD 1921700219 ký ngày 05/08/2019 giữa Ngân hàng TMCP S G T T với bà Nguyễn Thị T, ông Tòng Bá P. Theo đó Ngân hàng TMCP S G T T có cấp tín dụng cho bà Nguyễn Thị T, ông Tòng Bá P vay vốn với các điều khoản chi tiết như sau: Số tiền vay 400.000.000đ, lãi suất 9,5%/năm, thời hạn vay 03 năm (gốc, lãi trả định kỳ 6 tháng/lần), thời điểm trả hết nợ: ngày 17/07/2020.

Lãi suất nợ quá hạn: bằng 150% lãi suất vay ngay trước thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Hợp đồng tín dụng nêu trên được bảo đảm bằng hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 9062533.1.1 ký ngày 19/07/2017 được đăng ký thế chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện T H, tỉnh Kiên Giang ngày 19/07/2017, tài sản thế chấp bảo đảm nợ vay gồm:

Tài sản thế chấp 1: Quyền sử dụng đất diện tích 10.245,8m², thửa đất số 1009, tờ bản đồ số 16 tọa lạc tại: ấp Đ N A, xã T Đ, huyện T H, tỉnh Kiên Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AP 537964 do UBND huyện Tân Hiệp cấp ngày 09/12/2009. Điều chỉnh biến động ngày 05/08/2016 đứng tên bà Nguyễn Thị T.

Tài sản thế chấp 2: Quyền sử dụng đất diện tích 4.200 m², thửa đất số 542, tờ bản đồ số 16 tọa lạc tại: ấp Đ N A, xã T Đ, huyện T H, tỉnh Kiên Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BB 917539 do UBND huyện Tân Hiệp cấp ngày 13/12/2010. Điều chỉnh biến động ngày 05/08/2016 đứng tên bà Nguyễn Thị T.

Trong quá trình vay vốn bà Nguyễn Thị T, ông Tòng Bá P chỉ thanh toán nợ Ngân hàng với số tiền lãi là 20.265.205đ. Khi đến hạn thanh toán nợ, Ngân hàng đã nhiều lần thông báo nhắc nhở bà Nguyễn Thị T, ông Tòng Bá P cũng đã nhiều lần cam kết nhưng không thực hiện đúng cam kết và hiện tại hợp đồng đã quá hạn thanh toán nhưng bà

Nguyễn Thị T, ông Tòng Bá P vẫn chưa thanh toán nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận tại hợp đồng đã ký. Vì bà Nguyễn Thị T, ông Tòng Bá P vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ngày 18/07/2020 Ngân hàng TMCP S G T T đã chuyển toàn bộ số nợ vay của bà Nguyễn Thị T, ông Tòng Bá P sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 19/04/2021 bà Nguyễn Thị T, ông Tòng Bá P còn nợ ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số: LD 1719800113 ngày 17/07/2017 số tiền là 467.918.883đ (bốn trăm sáu mươi bảy triệu chín trăm mười tám nghìn tám trăm tám mươi ba đồng), trong đó nợ gốc là 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng), tiền lãi trong hạn tính đến ngày 19/4/2021 là 18.854.795đ (mười tám triệu tám trăm năm mươi bốn nghìn bảy trăm chín mươi lăm đồng), tiền lãi quá hạn tính đến ngày 19/04/2021 là 47.638.356đ (bốn mươi bảy triệu sáu trăm ba mươi tám nghìn ba trăm năm mươi sáu đồng) và tiền lãi chậm trả tính đến ngày 19/04/2021 là 1.425.732 (một triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn bảy trăm ba mươi hai đồng).

Nay Ngân hàng TMCP S G T T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị T, ông Tòng Bá P trả nợ cho ngân hàng TMCP S G T T số tiền là 467.918.883đ (bốn trăm sáu mươi bảy triệu chín trăm mười tám nghìn tám trăm tám mươi ba đồng) – (theo bảng kê tính lãi đến ngày 19/04/2021 của ngân hàng TMCP S G T T), trong đó tiền gốc là 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng), tiền lãi trong hạn tính đến ngày 19/4/2021 là 18.854.795đ (mười tám triệu tám trăm năm mươi bốn nghìn bảy trăm chín mươi lăm đồng), tiền lãi quá hạn tính đến ngày 19/04/2021 là 47.638.356đ (bốn mươi bảy triệu sáu trăm ba mươi tám nghìn ba trăm năm mươi sáu đồng) và tiền lãi chậm trả tính đến ngày 19/04/2021 là 1.425.732 (một triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn bảy trăm ba mươi hai đồng) và yêu cầu tính lãi phát sinh theo đúng nội dung hợp đồng vay đã ký, trong quá trình giải quyết cho đến khi bà Nguyễn Thị T, ông Tòng Bá P trả hết nợ cho ngân hàng TMCP S G T T.

Trong trường hợp bà Nguyễn Thị T, ông Tòng Bá P không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T, ông Tòng Bá P trình bày: do bà Nguyễn Thị T, ông Tòng Bá P vắng mặt không lý do nên không thể trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thẩm quyền:** Đây là vụ kiện Tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS năm 2015. Mặt khác đây là vụ kiện dân sự không có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS năm 2015. Ngoài ra Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015.

[2] **Về thủ tục tố tụng:** bà Nguyễn Thị T, ông Tòng Bá P với tư cách là bị đơn. Tại phiên tòa hôm nay bà Nguyễn Thị T, ông Tòng Bá P vắng mặt không lý do, trước đó Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn bà Nguyễn Thị T, ông Tòng Bá P, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà bị đơn không có yêu cầu phản tố vắng mặt thì Tòa án tiến hành xử vắng mặt họ”. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị T, ông Tòng Bá P là phù hợp theo quy định pháp luật.

Quan hệ pháp luật tranh chấp xảy ra giữa Ngân Hàng TMCP S G T T với bà Nguyễn Thị T, ông Tòng Bá P là quan hệ “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

[2] Xét yêu cầu của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Vũ Ngọc H yêu cầu giải quyết buộc bà Nguyễn Thị T, ông Tòng Bá P trả nợ cho ngân hàng TMCP S G T T tổng số tiền gốc và lãi là 467.918.883đ (bốn trăm sáu mươi bảy triệu chín trăm mười tám nghìn tám trăm tám mươi ba đồng) là có cơ sở chấp nhận. Bởi vì tại thời điểm vào ngày 17/07/2017 bà Nguyễn Thị T, ông Tòng Bá P có vay của Ngân Hàng TMCP S G T T số tiền là 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng), thời hạn vay là 03 năm đối với hợp đồng tín dụng số: LD 1719800113 ngày 17/07/2017 và giấy nhận nợ số: LD 1921700219 ngày 05/08/2019, lãi suất 9,5%/năm, thời điểm trả hết nợ vào ngày 17/07/2020, hàng tháng ngân

hàng có điều chỉnh lãi suất cho vay (nếu có) với mức lãi suất điều chỉnh không quá mức lãi suất cho vay tương ứng được quy định tại khung lãi suất do ngân hàng ban hành tại thời điểm điều chỉnh phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam.

Phương thức thanh toán: lãi trả định kỳ 6 tháng/lần, nợ gốc trả vào cuối kỳ ngày 17/07/2020. Đến hạn trả nợ thì từ ngày giải ngân đầu tiên cho đến nay bà Nguyễn Thị T, ông Tòng Bá P chỉ trả cho ngân hàng TMCP S G T T số tiền lãi của hợp đồng tín dụng số: LD 1719800113 ngày 17/07/2017 cho Ngân hàng như sau: số tiền lãi là 20.265.205đ (hai mươi triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn hai trăm lẻ năm đồng). Từ đó cho đến nay thì bà Nguyễn Thị T, ông Tòng Bá P vẫn chưa trả thêm tiền lãi và tiền gốc cho Ngân hàng TMCP S G T T, mặc dù ngân hàng có đến đòi nợ nhiều lần nhưng bà Nguyễn Thị T, ông Tòng Bá P không thực hiện việc trả nợ.

Nay đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Vũ Ngọc H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị T, ông Tòng Bá P trả cho Ngân Hàng TMCP S G T T số tiền gốc là 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng), tiền lãi trong hạn tính đến ngày hôm nay 19/04/2021 là 18.854.795đ (mười tám triệu tám trăm năm mươi bốn nghìn bảy trăm chín mươi lăm đồng), tiền lãi quá hạn tính đến ngày 19/04/2021 là 47.638.356đ (bốn mươi bảy triệu sáu trăm ba mươi tám nghìn ba trăm năm mươi sáu đồng) và tiền lãi chậm trả tính đến ngày 19/04/2021 là 1.425.732 (một triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn bảy trăm ba mươi hai đồng) – (theo bảng tính lãi hồ sơ vay khách hàng ngày 19/04/2021 của ngân hàng TMCP S G T T). Tổng cộng tiền gốc, tiền lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn là 467.918.883đ (bốn trăm sáu mươi bảy triệu chín trăm mười tám nghìn tám trăm tám mươi ba đồng) và yêu cầu tính lãi phát sinh theo đúng nội dung hợp đồng tín dụng số: LD 1719800113 ngày 17/07/2017 đã ký giữa hai bên, trong quá trình giải quyết cho đến khi bà Nguyễn Thị T, ông Tòng Bá P trả hết nợ cho ngân hàng TMCP S G T T. LỜI YÊU CẦU CỦA ÔNG VŨ NGỌC H PHÙ HỢP VỚI ĐIỀU 463 BỘ LUẬT DÂN SỰ NĂM 2015 VÀ KHOẢN 2 ĐIỀU 91 LUẬT CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG NĂM 2010. Vì vậy được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] **Về án phí DSST:** Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Yêu cầu của Ngân hàng TMCP S G T T được chấp nhận nên Ngân hàng TMCP S G T T không phải chịu án phí, trả lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP S G T T số tiền là 10.661.500đ (mười triệu sáu trăm sáu mươi một nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu số 0008097 ngày 12/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Buộc bà Nguyễn Thị T, ông Tòng Bá P phải nộp: $\{20.000.000đ + (4\% \times 67.918.883đ)\} = 22.716.755đ$ tính tròn là 22.717.000đ (hai mươi hai triệu bảy trăm mười bảy nghìn đồng).

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Áp dụng Điều 463 Bộ Luật Dân Sự năm 2015; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 94, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 7, khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số: 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm Phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S G T T.

3/ Buộc bà Nguyễn Thị T, ông Tòng Bá P trả cho Ngân hàng TMCP S G T T tổng cộng số tiền gốc, tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn và tiền lãi chậm trả là 467.918.883đ (bốn trăm sáu mươi bảy triệu chín trăm mười tám nghìn tám trăm tám mươi ba đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Nguyễn Thị T, ông Tòng Bá P còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số: LD 1719800113 ngày 17/07/2017 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng

TMCP S G T T thì lãi suất mà bà Nguyễn Thị T, ông Tòng Bá P phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP S G T T theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP S G T T.

4/ Sau khi bà Nguyễn Thị T, ông Tòng Bá P trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP S G T T thì Ngân hàng TMCP S G T T có nghĩa vụ trả lại cho bà Nguyễn Thị T, ông Tòng Bá P giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AP 537964 do UBND huyện Tân Hiệp cấp ngày 09/12/2009. Điều chỉnh biến động ngày 05/08/2016 đứng tên bà Nguyễn Thị T, Quyền sử dụng đất diện tích 10.245,8m², thửa đất số 1009, tờ bản đồ số 16, đất tọa lạc tại: ấp Đ N A, xã T Đ, huyện T H, tỉnh Kiên Giang và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BB 917539 do UBND huyện Tân Hiệp cấp ngày 13/12/2010. Điều chỉnh biến động ngày 05/08/2016 đứng tên bà Nguyễn Thị T. Quyền sử dụng đất diện tích 4.200 m², thửa đất số 542, tờ bản đồ số 16, đất tọa lạc tại: ấp Đ N A, xã T Đ, huyện T H, tỉnh Kiên Giang.

Kể từ ngày Ngân hàng TMCP S G T T làm đơn yêu cầu Thi hành án nếu bà Nguyễn Thị T, ông Tòng Bá P không trả số tiền trên thì Ngân hàng TMCP S G T T có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang phát mãi tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AP 537964 do UBND huyện Tân Hiệp cấp ngày 09/12/2009. Điều chỉnh biến động ngày 05/08/2016 đứng tên bà Nguyễn Thị T, Quyền sử dụng đất diện tích 10.245,8m², thửa đất số 1009, tờ bản đồ số 16, đất tọa lạc tại: ấp Đ N A, xã T Đ, huyện T H, tỉnh Kiên Giang và quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BB 917539 do UBND huyện Tân Hiệp cấp ngày 13/12/2010. Điều chỉnh biến động ngày 05/08/2016 đứng tên bà Nguyễn Thị T. Quyền sử dụng đất diện tích 4.200 m², thửa đất số 542, tờ bản đồ số 16, đất tọa lạc tại: ấp Đ N A, xã T Đ, huyện T H, tỉnh Kiên Giang để thu hồi nợ.

5/ Về án phí DSST:

- Buộc bà Nguyễn Thị T, ông Tòng Bá P nộp 22.717.000đ (hai mươi hai triệu bảy trăm mười bảy nghìn đồng).

- Trả lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP S G T T số tiền là 10.661.500đ (mười triệu sáu trăm sáu mươi một nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu số 0008097 ngày 12/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Báo cho Ngân hàng TMCP S G T T biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Báo cho bà Nguyễn Thị T, ông Tòng Bá P biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Hiệp.
- TAND tỉnh Kiên Giang .
- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp.
- Các đương sự.
- Lưu HS.
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Quang Nhật